TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2026
V/v "Kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Lan Hương

Bà Hoàng Thị Liễu

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quý Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc "*Kiện xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 155/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn L, sinh ngày: 18/08/1967; CCCD: 044067001272; địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị. Ông L có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày: 20/12/1966; CCCD: 044166006596; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị; Hiện tại đã đi nước ngoài (không rõ địa chỉ cụ thể). Bà D vắng không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn – ông Lưu Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị D quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/1988, tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai cũ, số 37 ngày 05/01/1988. Khoảng thời gian từ năm 1988 đến năm 2001, hai vợ chồng sinh được 04 người con, gia đình sống hạnh phúc. Bà D đi xuất khẩu lao động từ tháng 06/2002, từ đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cụ thể là tháng 11/2004; hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong lúc ông L bị tai nạn mà bà D không quan tâm chăm sóc, cũng như chăm sóc con cái. Trong thời gian

hai năm đầu bà D có gửi tiền về cho các con ăn học, từ năm 2006, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung từ đó đến nay bà D không còn liên lạc về với ông L và các con. Mặc dù vào năm 2018 bà D có làm đơn xin ly hôn, ông L và các con cùng bà D đã có biện pháp giảng hòa tại UBND xã nhưng không thành; bà D có nộp đơn lên Tòa án nhưng sau đó rút đơn về đoàn tụ. Đến nay, bà D đã đi lao động ở nước ngoài và từ năm 2024 không còn quan tâm đến gia đình, không liên lạc cho chồng, con. Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên ý kiến như đơn khởi kiện, ông L đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng ông, bà có 04 con chung: Lưu Đức T, sinh ngày: 18/10/1988; Lưu Văn H, sinh ngày: 28/7/1991; Lưu Thị H1, sinh ngày: 28/10/1997; Lưu Thị Phước H2, sinh ngày: 21/12/1998. Hiện nay 04 con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà D tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị D: Bị đơn bà Nguyễn Thị D hiện đang làm việc và cư trú ở nước ngoài. Phòng Q Công an tỉnh Q tại Công văn số: 2693/PA08-Đ1 ngày 05/12/2025 cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị D đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ra nước ngoài ngày 22/12/2024 qua sân bay quốc tế T đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Sau khi thụ lý vụ án, theo địa chỉ do ông L cung cấp, Tòa án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bà D; tiến hành lấy lời khai của người thân, đăng tin thông báo về việc giải quyết ly hôn giữa ông L và bà D trên kênh dành cho người nước ngoài của Đ tiếng nói Việt Nam - VOV5.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2026 - anh Lưu Văn H (con đẻ của ông L, bà D) trình bày: Bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của anh; bố mẹ anh là Lưu Văn L, Nguyễn Thị D sinh ra 04 anh em gồm: Lưu Đức T, sinh năm: 1988; Lưu Văn H, sinh năm: 1991; Lưu Thị H1, sinh năm: 1997; Lưu Thị Phước H2, sinh năm: 1998. Hiện nay 04 anh em đã trưởng thành và có gia đình riêng. Bà D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài cụ thể là nước Campuchia từ lâu, các anh em trong nhà cũng không nhớ, địa chỉ cụ thể ở đâu cũng không rõ. Thực tế bố mẹ anh đã ly thân rất lâu khoảng từ năm 2002, bà thường xuyên đi đi về về ở nước ngoài. Hầu như là không ở Việt Nam, không quan tâm gì đến bố và các anh em anh. Một mình bố chăm sóc và nuôi dưỡng 04 anh em cho đến khi các anh chị trưởng thành, lập gia đình. Hiện nay bố là Nguyễn Văn L1 làm đơn xin ly hôn mẹ D, anh không có ý kiến gì, bố mẹ toàn quyền quyết định. Mẹ anh cũng thỉnh thoảng liên lạc về với con cái, nhất là anh. Khi mẹ anh liên lạc về anh cũng có báo là bố L1 nộp đơn xin ly hôn mẹ nộp tại Tòa án, mẹ chỉ im lặng. Anh cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo cho mẹ biết việc ly hôn của bố mẹ, quá trình giải quyết để mẹ được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án và các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ông Lưu Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Về nuôi con chung: Các con chung của ông L, bà D gồm: Lưu Đức T, sinh ngày: 18/10/1988; Lưu Văn H, sinh ngày: 28/7/1991; Lưu Thị H1, sinh ngày: 28/10/1997; Lưu Thị Phước H2, sinh ngày: 21/12/1998, hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Buộc ông Lưu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con các bên không phải chịu nộp.

Đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Lưu Văn L có đơn yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị D hiện đang làm ăn, sinh sống ở Campuchia. Theo Công văn số: 2693/PA08-Đ1 ngày 05/12/2025 cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị D đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ra nước ngoài ngày 22/12/2024 qua sân bay quốc tế T đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Qua xác minh tại người thân của bị đơn, cũng là con chung của ông L, bà D thì tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của ông L, thì bà D đang ở nước ngoài, cụ thể là nước Campuchia. Như vậy, theo quy định tại Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Bà Nguyễn Thị D đã xuất cảnh ra nước ngoài, đang sinh sống và làm việc ở nước Campuchia nhưng không có địa chỉ cụ thể. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo các phương thức pháp luật quy định, nhằm để tống đạt và thu thập chứng cứ đối với bà Nguyễn Thị D. Toà án tiến hành đăng thông tin thông báo cho bà Nguyễn Thị D trên Hệ thống phát thanh đối ngoại VOV5 đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 03, 04, 05/3/2026 nhằm thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nhưng không có kết quả phản hồi của bà D. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

[1.3] Toà án đã tiến hành các thủ tục cần thiết, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến tham gia tại phiên toà đối với các đương sự nhưng bà Nguyễn Thị D đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị D có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/1988, tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai cũ, số 37 ngày 05/01/1988, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian đến thì phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống không cùng chung sống với nhau, đến năm 2024 thì sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau, không còn dành tình cảm thương yêu nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà D không quan tâm đến chồng và các con, thường xuyên không ở nhà. Hiện nay bà D đang đi lao động tại Campuchia, cuộc sống xa nhau, ít quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn giữa ông L, bà D đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Văn L xử cho ông Lưu Văn L được ly hôn bà Nguyễn Thị D.

[2.2]. *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:*

Quá trình chung sống, ông Lưu Văn L, bà Nguyễn Thị D có 04 con chung là Lưu Đức T, sinh ngày: 18/10/1988; Lưu Văn H, sinh ngày: 28/7/1991; Lưu Thị H1, sinh ngày: 28/10/1997; Lưu Thị Phước H2, sinh ngày: 21/12/1998, hiện nay các con của ông, bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Ông L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D cũng không có ý kiến gì về chia tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, chi phí tố tụng trong vụ án*: Ông Lưu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tự nguyện chịu chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài VOV5 theo quy định.

- *Án phí cấp dưỡng nuôi con chung*: Các bên đương sự không phải chịu nộp.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Ông Lưu Văn L, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 464, Điều 469, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lưu Văn L được ly hôn bà Nguyễn thị D.

2. Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Các con chung của ông Lưu Văn L, bà Nguyễn Thị D là Lưu Đức T, sinh ngày: 18/10/1988; Lưu Văn H, sinh ngày: 28/7/1991; Lưu Thị H1, sinh ngày: 28/10/1997; Lưu Thị Phước H2, sinh ngày: 21/12/1998, hiện nay đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí, chi phí tố tụng trong vụ án:

- Án phí sơ thẩm ly hôn, chi phí tố tụng: Ông Lưu Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0002034 ngày 17/10/2025. Ông L tự nguyện chịu chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài VOV5 số tiền 2.250.000 đồng. Ông L đã nộp đủ án phí, chi phí tố tụng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không phải chịu nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lưu Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/7/2026). Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 – Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai;
- Công an xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS KV1 - Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh